

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 106/2018/QĐST-HNGĐ

Cần Giờ, ngày 30 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa:

Bà Lê Thị Lệ H, sinh năm: 1985

Địa chỉ: tổ 18, ấp A H, xã A T Đ, huyện C G, Tp. Hồ Chí Minh.

Và ông Lê Văn T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: tổ 18, ấp A H, xã A T Đ, huyện C G, Tp. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Nguyên đơn Lê Thị Lệ H và Bị đơn Lê Văn T, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A T Đ, huyện C G, thành phố Hồ Chí

Minh vào ngày 23/8/2014, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, Quyền số 01/2014.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Lệ H và ông Lê Văn T thống nhất ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Lê Bảo Q, sinh ngày 18/5/2017. Thống nhất giao cháu Q cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, của cá nhân, cơ quan, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đồng, bà H tự nguyện nộp toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 06004 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C G, thành phố Hồ Chí Minh; bà H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C G;
- Chi cục THADS huyện C G;
- UBND xã A T Đ, huyện C G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đình Vũ

